

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 407/2026/HS-PT
Ngày 24 tháng 6 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 228/2026/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026, do có kháng cáo của bị cáo Võ Quốc L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2026/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 317/2026/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026. Bị cáo có kháng cáo:

Võ Quốc L, sinh: 16/9/1994 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số B, đường A tháng I, phường T, tỉnh Vĩnh Long; số định danh cá nhân 086094005744; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1964 và bà Âu Thị T1, sinh năm 1970; vợ: Trần Thị Kim H1, sinh năm 1992; con: có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: tại Bản án số 13/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long) xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, hiện đang chấp hành án phạt tù theo Quyết định thi hành án phạt tù số 22/2025/QĐ-TA ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long), thời hạn chấp hành

hình phạt tù kể từ ngày 02/9/2024 tại Trại giam S Công an tỉnh V; bị bắt tạm giam từ ngày 02/9/2024 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Hồng N, Luật sư thuộc Công ty L1 – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* (Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

1. Nguyễn Hiền T2, sinh 1984. Nơi cư trú: ấp L, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh Lê Thanh C, sinh 1983; nơi cư trú: Số C, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Nguyễn Tường H2, sinh 1972; nơi cư trú: Số E, L, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* (Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

1. Anh Nguyễn Phước T3, sinh 1990. Nơi cư trú: Số E Khu phố C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh 1978. Nơi cư trú: Số G đường L, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

3. Anh Huỳnh Thanh P, sinh 1989. Nơi cư trú: Số C, đường số G, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với nhiều chủ xe có cho thuê xe ô tô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Võ Quốc L nảy sinh ý định thuê xe ô tô tại các điểm cho thuê rồi đem bán cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân. Để thực hiện ý định, vào tối ngày 21/02/2024 L sử dụng điện thoại số 0776925863 liên hệ với anh Nguyễn Minh H3 (sinh năm 1998, đăng ký thường trú: Số B P, Khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long) hỏi thuê xe ô tô biển số 64A-134.90, nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng để chở khách đi Thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh, xe này do anh Nguyễn Hiền T2 là bà con của anh H3 đứng tên đăng ký chủ sở hữu, gửi tại bãi xe “H” để cho thuê. Anh H3 có báo cho anh T2 biết và anh T2 đồng ý cho L thuê với giá 500.000 đồng/ngày. Đến khoảng 01 giờ ngày 22/02/2024, L đến bãi xe “H” nhận xe và thỏa thuận thời hạn L trả xe là 21 giờ cùng ngày;

Sau khi nhận xe ô tô biển số 64A-134.90, L điều khiển xe đến Thành phố Hồ Chí Minh rồi liên lạc với Quách Văn Đ1 nhờ tìm người bán xe, Đ1 đăng thông tin bán xe lên hội mua bán xe ô tô trên mạng xã hội. Anh Nguyễn Phước T3 (ngụ 50, Khu phố C, xã T, tỉnh Tây Ninh) là người kinh doanh xe ô tô nhìn thấy nên liên hệ với Đ1 và được Đ1 hẹn đến bên xe “Hiệp Thành” sẽ có người

giao xe. Khi anh T3 đến bến xe “H” thì gặp L điều khiển xe đến, anh T3 hỏi “xe này sao” thì L trả lời “xe cầm của người trong trường gà bỏ không chuộc, xe không giấy tờ của chủ xe”; anh T3 và L thỏa thuận mua bán xe với giá 60.000.000 đồng, T3 chuyển tiền vào tài khoản của L số 33866868689999 Ngân hàng T6. Đến thời hạn trả xe nhưng không thấy L trả xe, anh T2 kiểm tra định vị thì thấy xe đang ở huyện Đ, tỉnh Long An (cũ) nên anh T2 kêu anh H3 điện thoại hỏi L nhưng không liên lạc được, sau đó xe bị mất tín hiệu định vị. Sau khi mua được xe, anh T3 điều khiển xe đến chùa “Hoằng Pháp” thuộc xã T, Thành phố Hồ Chí Minh thì có Công an xã T cùng anh T2 đến gặp và thông báo cho anh T3 cho biết xe này do L chiếm đoạt của anh T2 rồi đem bán, anh T3 tự nguyện trả lại xe và giấy tờ xe cho anh T2.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Masda 3, loại xe ô tô con, biển số 64A-134.90, số máy P520433934, số khung RN2BN4AA6HHCO67109, có giá trị là 387.360.250 đồng.

Ngoài hành vi chiếm đoạt xe của anh T2, bằng thủ đoạn nêu trên L còn 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt xe của những người như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 18/01/2024, L liên hệ với anh Huỳnh Xuân V (ngụ Số F đường A, phường T, tỉnh Vĩnh Long) để thuê xe ô tô, anh V liên hệ với anh Nguyễn Trường H4 (ngụ E L, phường L, tỉnh Vĩnh Long) là chủ xe ô tô 07 chỗ, hiệu KIA CARENS, màu trắng, biển số 64A- 159.06 hỏi anh H4 cho L thuê xe 03 ngày để chở khách, anh H4 đồng ý cho L thuê với giá 600.000 đồng/ngày. Sau khi nhận được xe, L điều khiển xe đến Thành phố Hồ Chí Minh cầm cho người tên Quách Văn Đ1 với giá 60.000.000 đồng. Đến hạn trả xe nhưng không thấy L đem xe đến trả, anh H4 kiểm tra định vị xe thì phát hiện bị mất tín hiệu định vị, nên anh H4 và anh V điện thoại cho L nhưng không liên lạc được.

Đến khoảng tháng 7/2024, có người tên Lê Minh T4 (ngụ tại Khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng) liên hệ bán xe ô tô biển số 64A-159.06 cho anh Nguyễn Quốc Đ (ngụ tại G đường L, xã H, tỉnh Lâm Đồng) với giá 425.000.000 đồng, anh Đ chuyển tiền cọc mua xe 320.000.000 đồng cho T4, sau đó anh Đ bán lại xe 64A-159.06 cho anh Huỳnh Thanh P (ngụ tại thôn P, xã P, tỉnh Khánh Hòa) với giá 445.000.000 đồng và anh P chuyển cọc cho Đ 300.000.000 đồng, sau đó anh P thuê anh Hứa Vinh T5 xuống tỉnh Vĩnh Long liên hệ với anh H4 để làm thủ tục sang tên thì lực lượng Công an và anh H4 cho biết xe này của anh H4 bị L lừa đảo chiếm đoạt. Sau đó anh P trả lại xe cho anh Đ, anh Đ trả tiền lại anh P; rồi anh Đ trả lại xe cho anh T4, anh T4 trả tiền lại cho anh Đ và anh T4 giữ xe đến nay không rõ đi đâu, đến nay không thu hồi xe được.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long

kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu KIA CARENS, biển số 64A-159.06 có giá trị là 569.651.350 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 03/02/2024, Võ Quốc L liên hệ với anh Lê Thanh C (sinh năm 1983, ngụ Số C khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long) để thuê xe ô tô biển số 64A-185.78, nhãn hiệu KIA K3, màu đỏ, L nói là đi đón khách ở sân bay T, anh C đồng ý cho L thuê với giá 800.000 đồng/ngày và giao xe cho L vào khoảng 21 giờ cùng ngày. Sau khi nhận xe L điều khiển xe đến Thành phố Hồ Chí Minh và liên hệ với Quách Văn Đ1 bán xe này với giá 50.000.000 đồng. Đ1 kêu L đem xe đến bãi sau thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) để giao xe. Khi đến điểm hẹn, L gặp một thanh niên (không rõ nhân thân) nhận xe, Đ1 trả tiền mua xe cho Lai 45.000.000 đồng và giữ lại 5.000.000 đồng tiền môi giới bán xe. Sau khi bán được xe, L tắt điện thoại nên anh C không liên lạc được. Đến ngày 14/02/2024, có người liên hệ với anh C báo là xe anh C người này đang thuê thời gian 02 năm với giá 157.000.000 đồng (do anh C có đăng tìm xe trên mạng xã hội), nếu anh C muốn nhận lại xe thì phải trả chi phí thuê xe ban đầu lại cho người này là 40.000.000 đồng, anh C đồng ý và đến bên xe V (cũ) chuộc lại xe.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long, kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, biển số 64A - 185.78 có giá trị là 607.481.366 đồng.

- Đối với hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” của Quách Văn Đ1, Lê Minh T4, Nguyễn Quốc Đ, Huỳnh Thanh P, Nguyễn Phước T3. Do Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Quách Văn Đ1 và Lê Minh T4 nên tách ra theo Quyết định số 7049/QĐ-CSHS ngày 05/11/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V để điều tra làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra, bị cáo Võ Quốc L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

* *Về trách nhiệm dân sự:*

- Anh Nguyễn Hiền T2 đã nhận lại xe và không yêu cầu gì.
- Anh Nguyễn Tường H2 yêu cầu bị cáo L bồi thường giá trị xe ô tô biển số 64A-159.06 là 569.651.350 đồng do hiện nay xe không thu hồi được.
- Anh Lê Thanh C đã nhận lại xe và yêu cầu bị cáo L bồi thường lại số tiền 40.000.000 đồng do anh bỏ ra chi phí để chuộc lại xe ô tô biển số 64A-185.78.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2026/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

1. *Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Võ Quốc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;*

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Quốc L 14 (mười bốn) năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long), buộc bị cáo Võ Quốc L phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 Bản án là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/9/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Võ Quốc L bồi thường cho anh Nguyễn Tường H2 số tiền 569.651.350 đồng; bồi thường cho anh Lê Thanh C số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả, án phí, các quyền theo Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/3/2026, bị cáo Võ Quốc L kháng cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường thiệt hại về tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đồng ý với phần bồi thường bản án sơ thẩm đã tuyên. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét hậu quả của vụ án được khắc phục một phần, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nặng nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử và bị cáo đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt, đồng ý với phần bồi thường cấp sơ thẩm đã tuyên. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Quốc L 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là quá nghiêm khắc đối với bị cáo do bị hại T2 và bị hại C đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt, hậu quả của vụ án đã được khắc phục một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Võ Quốc L kháng cáo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Quốc L, nhận thấy:

[2.1] Bị cáo Võ Quốc L đã có hành vi gian dối, thông qua thủ đoạn bị cáo tới các điểm cho thuê xe ô tô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long nói dối với các chủ xe cho bị cáo thuê xe chở khách, sau khi nhận xe bị cáo đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong thời gian từ ngày 18/01/2024 đến ngày 22/02/2024, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt xe ô tô của các bị hại Nguyễn Tường H2, Lê Thanh C, Nguyễn Hiền T2; tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 1.564.492.966 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Bị cáo có nhân thân vào tháng 4/2024, cũng với hành vi, thủ đoạn tương tự như vụ án này chiếm đoạt của người khác 01 xe ô tô trị giá 275.000.000 đồng và ngày 02/4/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long) xử phạt 05 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, hiện đang chấp hành án. Trong vụ án này, bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn của các bị hại, thuộc trường hợp phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo tự nguyện khai ra hành vi phạm tội trước khi bị phát hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy trong vụ án, bị cáo đã chiếm đoạt của 03 bị hại 03 xe ô tô qua định giá có tổng giá trị 1.564.492.966 đồng. Tuy nhiên, đối với bị hại T2 và bị hại Lê Thanh C đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Bị cáo chỉ còn phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Tường H2 giá trị xe 569.651.350 đồng, bồi thường cho bị hại Lê Thanh C 40.000.000 đồng nên hậu quả của vụ án đã được khắc phục một phần. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 14 năm tù là quá nghiêm khắc so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Quốc L; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2026/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Tuyên bố bị cáo Võ Quốc L phạm “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Võ Quốc L 12 (mười hai) năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long), buộc bị cáo Võ Quốc L phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 Bản án là 17 (mười bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2024.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo, Người bào chữa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: HCTP (4), HS (2) 15b, (DTBV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân